

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 11335:2016**

**IEC 60889:1987**

Xuất bản lần 1



**SỢI DÂY NHÔM KÉO CỨNG DÙNG CHO  
DÂY TRẦN CỦA ĐƯỜNG DÂY TẢI ĐIỆN TRÊN KHÔNG**

*Hard-drawn aluminium wire for overhead line conductors*

HÀ NỘI – 2016

## Mục lục

	Trang
Lời nói đầu .....	3
1 Phạm vi áp dụng .....	5
2 Các giá trị đối với sợi dây nhôm kéo cứng .....	5
3 Vật liệu.....	6
4 Khuyết tật.....	6
5 Đường kính và dung sai đường kính .....	6
6 Chiều dài và dung sai chiều dài .....	6
7 Mối nối .....	6
8 Lấy mẫu.....	7
9 Nơi thử nghiệm .....	7
10 Thử nghiệm về cơ .....	7
11 Thử nghiệm điện trở suất .....	7
12 Chứng nhận sự phù hợp .....	7

**Lời nói đầu**

TCVN 11335:2016 hoàn toàn tương đương với IEC 60889:1987;

TCVN 11335:2016 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN/TC/E4  
*Dây và cáp điện* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  
đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

# Sợi dây nhôm kéo cứng dùng cho dây trần của đường dây tải điện trên không

*Hard-drawn aluminium wire for overhead line conductors*

## 1 Phạm vi áp dụng và tài liệu viện dẫn

### 1.1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sợi dây nhôm kéo cứng dùng để chế tạo dây bền dùng cho đường dây tải điện trên không. Tiêu chuẩn này quy định các đặc tính cơ và điện đối với sợi dây có dải đường kính từ 1,25 mm đến 5,00 mm.

### 1.2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 1825:2008 (ISO 7802:1983), *Vật liệu kim loại – Dây – Thử xoắn*

IEC 60468, *Method of measurement of resistivity of metallic materials (Phương pháp đo điện trở suất của vật liệu kim loại)*

ISO 6892:1984, *Metallic materials – Tensile testing (Vật liệu kim loại – Thử nghiệm kéo)*

## 2 Các giá trị đối với sợi dây nhôm kéo cứng

Để tính toán, sử dụng các giá trị nêu dưới đây đối với sợi dây nhôm kéo cứng.

Điện trở suất tại 20 °C, lớn nhất	28,264 nΩ.m ( tương đương 61,0% IACS)*
Tỷ trọng tại 20 °C	2,703 kg/dm <sup>3</sup>
Hệ số giãn nở tuyến tính	23 × 10 <sup>-6</sup> /°C
Hệ số nhiệt độ khi khối lượng không đổi của điện trở tại 20 °C	0,00403/°C

\* Tiêu chuẩn quốc tế về đồng ủ.